



2024 肇喜登峰巡迴賽 - 鵬翼公開賽

2024 CHAU-SHI Series - PENG YI OPEN

第二回合編組表

Starting Times for Round 2



地點：大崗山高爾夫球場 TA KANG SHAN GOLF COURSE

上午場 Morning Session

2024 年 12 月 25 日 (星期三) Dec.25,2024

梯台 Tee 1 OUT COURSE						
組別 Group	時間 Time	英文姓名 English name	中文姓名 Chinese name	國籍 Country	R1 Score	+/-
1	7:00	Hsu Yu-cheng	許育誠	TWN	75	3
		Yeh Fu	葉 甫	TWN	74	2
		Wang Jen-li	王人立	TWN	77	5
2	7:10	Lin Keng-wei	林耕緯	TWN	73	1
		Tony Lee	李政遠	TWN	82	10
		Ryunosuke Watanabe	渡邊 龍ノ介	JPN	73	1
3	7:20	Warun leamgaew	瓦萬·利姆高	THA	70	-2
		Shinichi Mizuno	水野 真惟智	JPN	73	1
		Jerry Yang	楊斐皓	TWN	73	1
4	7:30	Lien Lu-sen	連驪森	TWN	72	E
		Worrasorn Suwanpanang	沃拉松·蘇萬帕南	THA	76	4
		Hsun-chen Chang	張勛宸	TWN	79	7
5	7:40	Wang Tsung-chieh	汪聰傑	TWN	72	E
		Chen Hui-hung	陳暉泓	TWN	80	8
		Chen Wei-sheng	陳威勝	TWN	69	-3
6	7:50	Wang Ter-chang	汪德昌	TWN	77	5
		Liu Yu-jui	劉又睿	TWN	73	1
		Lu Sun-yi	呂孫儀	TWN	71	-1
7	8:00	Tsai Tsung-yu	蔡宗佑	TWN	73	1
		Lin Yuan-wei	林遠惟	TWN	77	5
		Hsu Chih-kai	許智凱	TWN	77	5
8	8:10	Fang Chuan Wei	方傳崴	TWN	75	3
		Eugene Wang	王中欣	TWN	75	3
		Yu-tang Hu (a)	胡宇棠a	TWN	76	4
9	8:20	Lin Cheng-yu	林晟毓	TWN	75	3
		Tsai Chin-yang	蔡勁暘	TWN	78	6
		Hsieh Yao-yu (a)	謝曜宇a	TWN	76	4

梯台 Tee 10 IN COURSE						
組別 Group	時間 Time	英文姓名 English name	中文姓名 Chinese name	國籍 Country	R1 Score	+/-
10	7:00	Lin Chen-chu	林宸駒	TWN	67	-5
		Lin Ta-yu	林大鎬	TWN	72	E
		Hsieh Min-hsuan	謝旻軒	TWN	70	-2
11	7:10	Lin Yi-Yuan	林義淵 (國訓)	TWN	77	5
		Wen Cheng-hsiang	溫楨祥	TWN	75	3
		Tawit Polthai	塔維特·波爾泰	THA	66	-6
12	7:20	Hsieh Tung-hung	謝東宏	TWN	74	2
		Chang Tse-yu	張哲瑜	TWN	76	4
		Tseng Fu-tung	曾豐棟	TWN	74	2
13	7:30	Varanyu Rattanaphiboonkij	瓦蘭尤·拉塔納菲本基	THA	70	-2
		Shotaro Ban	伴 翔太郎	USA	76	4
		Huang Hsiang-hao	黃祥豪	TWN	74	2
14	7:40	Chang Wei-lun	張緯綸	TWN	72	E
		Liu Yung-hua	劉永華	TWN	68	-4
		Tseng Tzu-hao	曾子豪	TWN	76	4
15	7:50	Lawrence Ting	丁子軒	TWN	66	-6
		Wang Sheng-hui	王勝暉	TWN	66	-6
		Lee Chao-hua	李昭樺	TWN	72	E
16	8:00	Lu Wei-chih	呂偉智	TWN	73	1
		Yeh Yu-chen	葉昱辰	TWN	71	-1
		Jui Tu (a)	涂 睿a	TWN	77	5
17	8:10	Huang Chi	黃 頌	TWN	73	1
		Ho Yu-cheng	何祐誠	TWN	70	-2
		Su Ching-hung	蘇晉弘	TWN	70	-2
18	8:20	Keisuke Takahashi	高橋 慶祐	JPN	71	-1
		Huang Bo-rui	黃柏叡	TWN	70	-2
		Yang Hao-cyuan (a)	楊皓全a	TWN	81	9



2024 肇喜登峰巡迴賽 - 鵬翼公開賽

2024 CHAU-SHI Series - PENG YI OPEN

第二回合編組表

Starting Times for Round 2



地點：大崗山高爾夫球場 TA KANG SHAN GOLF COURSE

下午場 Afternoon Session

2024 年 12 月 25 日 (星期三) Dec.25,2024

梯台 Tee 1 OUT COURSE						
組別 Group	時間 Time	英文姓名 English name	中文姓名 Chinesename	國籍 Country	R1 Score	+/-
19	11:10	Cho Tsung-lin	卓宗霖	TWN	71	-1
		Chang Yu-chien	張佑健	TWN	85	13
		Xin Wen (a)	溫新a(國訓)	TWN	78	6
20	11:20	Chiu Han-ting	邱瀚霆	TWN	75	3
		Lu Wen-teh	呂文德	TWN	78	6
		Chen Ming-yi	陳鳴悒	TWN	79	7
21	11:30	Chen Yi-tong	陳裔東	TWN	72	E
		Hsieh Ting-wei	謝霆葳	TWN	68	-4
		Willy CHEN	陳瑋利	TWN	82	10
22	11:40	Huang Yi-tseng	黃議增	TWN	71	-1
		Huang Kuan-hsun	黃冠勳	TWN	77	5
		Shen Wei-cheng	沈威成	TWN	72	E
23	11:50	Yeh Chia-yin	葉佳胤	TWN	74	2
		Chang Chien, Ko-yen	張簡克諺	TWN	74	2
		Lai Chia-i	賴嘉一	TWN	79	7
24	12:00	Hsiao He-yu	蕭和宇	TWN	73	1
		Wang His-an	王璽安	TWN	75	3
		Lin Yung-lung	林永龍	TWN	70	-2
25	12:10	Kao Teng	高 藤	TWN	75	3
		He Chin-hung	何勁宏	TWN	72	E
		Chen Ting-yu	陳霆宇	TWN	76	4
26	12:20	Hsieh Chi-hsien	謝繼賢	TWN	71	-1
		Hung Chao-hsin	洪朝鑫	TWN	76	4
		Shunichiro Morioka	森岡 俊一郎	JPN	68	-4
27	12:30	Wang Wei-Hsuan	王偉軒	TWN	69	-3
		Tsai Kai-jen	蔡凱任	TWN	79	7
		Yuta Yoshikuwa	吉桑 佑太	JPN	73	1
28	12:40	Tseng Tzu Hsuan	曾子軒	TWN	73	1
		Yang Hao	楊 豪	TWN	86	14
		Chen Yu-hsiang	陳祐翔	TWN	84	12

梯台 Tee 10 IN COURSE						
組別 Group	時間 Time	英文姓名 English name	中文姓名 Chinesename	國籍 Country	R1 Score	+/-
29	11:10	Chen Shou-cheng	陳守成	TWN	76	4
		Wang Li-wei	王力偉	TWN	80	8
		Chang Yu-cheng	張宇誠	TWN	75	3
30	11:20	Tsai Chen-kai	蔡辰鏜	TWN	78	6
		Lin Ming-yeh	林明業	TWN	83	11
		Chen Yu-chen	陳宥蓁	TWN	76	4
31	11:30	Chan Chia-han	詹佳翰	TWN	79	7
		Hsu Wei-chen	許維宸	TWN	81	9
32	11:40	Shapiyate Mako	沙比亞特·馬克	TWN	76	4
		Lee Chin-chou	李謹州	TWN	72	E
		Kuo Shi-chi (a)	郭時祈a	TWN	80	8
33	11:50	Hung Jui-cheng	洪瑞誠	TWN	80	8
		Simon Kuo	郭時雨	TWN	79	7
		Mao-fu Huang	黃茂富	TWN	75	3
34	12:00	Lee Shih-hung	李士鴻	TWN	74	2
		Lee Chi-tsung	李啟宗	TWN	89	17
		Wei-hao Chen	陳漳濤	TWN	77	5
35	12:10	Wu Yao-wei	巫耀微	TWN	81	9
		Chen Yu-yu	陳佑宇	TWN	69	-3
		Chen Shen (a)	陳 申a	TWN	102	30
36	12:20	Gabriele De Barba	加布里埃爾·德·巴爾巴	ITA	72	E
		Chen Po-hao	陳伯豪	TWN	75	3
		Chen Ke-yi	陳科壹	TWN	78	6
37	12:30	Liu Tse-sen	劉澤森	TWN	83	11
		Tsai Chi-huang	蔡啟煌	TWN	77	5
		William Lin	林為超	TWN	82	10
38	12:40	Chan Ting-li	詹頂立	TWN	80	8
		Chen Po-jui	陳柏睿	TWN	81	9
		Chen Yen-yu	陳彥宇	TWN	75	3